Chi tiết mã HS 0302.89.11

Mã HS	0302.89.11
Mô tả hàng hóa	Cá, tươi hoặc ướp lạnh, trừ phi-lê cá (fillets) và các loại thịt cá khác thuộc nhóm 03.04 / - Cá khác, trừ các phụ phẩm ăn được sau giết mổ của cá thuộc các phân nhóm từ 0302.91 đến 0302.99: / - - Loại khác: / - - - Cá biển: / - - - - Cá mú
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	10/11/2026 18:59:21
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/03028911/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	18	18%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K342
Thuế NK ưu đãi (MFN)	12	12%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N342
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q342
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ342
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-MY, TH)	0% (trừ MY, TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	2	2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	6	6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	6	6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục C)	6	6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	6	6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	6	6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	6,5	6,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AIFTA	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E335
ATIGA	2022	2022	0	AT!E336
ATIGA	2023	2023	0	AT!F336
ATIGA	2024	2024	0	AT!G336
ATIGA	2025	2025	0	AT!H336
ATIGA	2026	2026	0	AT!I336
ATIGA	2027	2027	0	AT!J336
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E338
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F338
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G338

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H338
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I338
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J338
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E336
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F336
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G336
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H336
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I336
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J336
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F336
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H335
AIFTA	30/12/2022	2022	18	AI!F338
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	17	AI!G338
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	16	AI!H338
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	15	AI!I338
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	15	AI!J338
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	15	AI!K338
VKFTA	2022	2022	0	VK!E336
VKFTA	2023	2023	0	VK!F336
VKFTA	2024	2024	0	VK!G336
VKFTA	2025	2025	0	VK!H336
VKFTA	2026	2026	0	VK!I336
VKFTA	2027	2027	0	VK!J336
VCFTA	2022	2022	4	VC!D337
VCFTA	2023	2023	2	VC!E337
VCFTA	2024	2024	0	VC!F337

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G337
VCFTA	2026	2026	0	VC!H337
VCFTA	2027	2027	0	VC!I337
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D338
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E338
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F338
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G338
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H338
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I338
AHKFTA	2022	2022	7	AKH!D337
AHKFTA	2023	2023	5	AKH!E337
AHKFTA	2024	2024	5	AKH!F337
AHKFTA	2025	2025	2	AKH!G337
AHKFTA	2026	2026	2	AKH!H337
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I337
EVFTA	2022	2022	3	EV-NK!D335
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E335
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F335
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G335
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H335
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I335
UKVFTA	2022	2022	3	UKV!D337
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E337
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F337
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G337
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H337

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I337
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D337
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E337
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F337
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G337
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H337
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I337
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J337
RCEP A	2022	2022	10,8	RCEPT-A!D336
RCEP A	2023	2023	9,6	RCEPT-A!E336
RCEP A	2024	2024	8,4	RCEPT-A!F336
RCEP A	2025	2025	7,2	RCEPT-A!G336
RCEP A	2026	2026	6	RCEPT-A!H336
RCEP A	2027	2027	4,8	RCEPT-A!I336
RCEP B	2022	2022	10,8	B!D336
RCEP B	2023	2023	9,6	B!E336
RCEP B	2024	2024	8,4	B!F336
RCEP B	2025	2025	7,2	B!G336
RCEP B	2026	2026	6	B!H336
RCEP B	2027	2027	4,8	B!I336
RCEP C	2022	2022	10,8	C!D336
RCEP C	2023	2023	9,6	C!E336
RCEP C	2024	2024	8,4	C!F336
RCEP C	2025	2025	7,2	C!G336
RCEP C	2026	2026	6	C!H336
RCEP C	2027	2027	4,8	C!I336

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	10,9	D!D336
RCEP D	2023	2023	9,8	D!E336
RCEP D	2024	2024	8,7	D!F336
RCEP D	2025	2025	7,6	D!G336
RCEP D	2026	2026	6,5	D!H336
RCEP D	2027	2027	5,5	D!I336
RCEP E	2022	2022	10,8	E!D336
RCEP E	2023	2023	9,6	E!E336
RCEP E	2024	2024	8,4	E!F336
RCEP E	2025	2025	7,2	E!G336
RCEP E	2026	2026	6	E!H336
RCEP E	2027	2027	4,8	E!I336
RCEP F	2022	2022	10,8	F!D336
RCEP F	2023	2023	9,6	F!E336
RCEP F	2024	2024	8,4	F!F336
RCEP F	2025	2025	7,2	F!G336
RCEP F	2026	2026	6	F!H336
RCEP F	2027	2027	4,8	F!I336
VIFTA	2024	2024	*	VI!F319
VIFTA	2025	2025	*	VI!G319
VIFTA	2026	2026	*	VI!H319
VIFTA	2027	2027	*	VI!I319

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)*		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AIFTA 15%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (12%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 12%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 0302.89 có 14 dòng thuế; dòng 0302.89.11 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Cá mú.	0302.89.12 Cá bạc (Pentaprion longimanus); 0302.89.13 Cá mối hoa (Trachinocephalus myops); 0302.89.14 Cá hố savalai (Lepturacanthus savala), cá đù Belanger (Johnius belangerii), cá đù Reeve (Chrysochir aureus) và cá đù mắt to (Pennahia anea); 0302.89.15 Cá nhụ Ấn Độ (Polynemus indicus); 0302.89.16 Cá sòng gió (Megalaspis cordyla), cá hiên chấm (Drepane punctata) và cá nhồng lớn (Sphyraena barracuda); 0302.89.17 Cá chim đen (Parastromatus niger)	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0302.89.11. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 12% của mã 0302.89.11 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N342), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)
Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)*

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.